

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 / 7 / 2020.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan** - Thẩm phán

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lương Thị Kim Nhung**

2. Bà **Lê Thị Mỹ**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Đông Thanh Lam** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 07 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 91/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn Th** , sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 40/5 Lê Quý Đ , phường An B , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên G .

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** , sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 40/5 Lê Quý Đ , phường An B , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên G .

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Đinh Văn Th trình bày:** Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND phường An Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/7/2010.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống những năm đầu ông và bà T sống rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2012 bà T tự ý bỏ về cha mẹ ruột sinh sống, không sống chung với ông nữa, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Vì vậy ông Th yêu cầu được ly hôn với bà T .

- Về con chung: Ông Th xác định có 01 người con chung tên: Đinh Gia Bảo, sinh năm 2010. Hiện đang sống với ông. Ông Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T :** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng, lý do vào ngày 26/11/2018 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tuyên bố bà Nguyễn Thị T bị mất tích.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn Th .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T .

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn Th và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường An Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào

ngày 19/7/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Th , Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Th và bà T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa ông Th trình bày do từ năm 2012 bà T tự ý bỏ về cha mẹ ruột sinh sống, không sống chung với ông nữa dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay vẫn không liên lạc được. Tại Quyết định số 03/2018/QĐST-DS ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tuyên bố bà Nguyễn Thị T bị mất tích.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Th và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Th được ly hôn với bà T .

Về quan hệ con chung: Ông Th xác nhận có 01 người con chung tên Đinh Gia Bảo, sinh năm 2010. Ông Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bảo. Xét thấy, yêu cầu của ông Th hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo được ghi nhận tại biên bản lấy ý kiến vào ngày 13/2/2020 cháu Bảo có nguyện vọng sống chung với ba. Do đó, trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc nuôi con là hoàn toàn phù hợp.

Ông Th không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T , căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu bà T có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì bà T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đinh Văn Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đinh Văn Th đối với bà Nguyễn Thị T .

Tuyên bố ông Đinh Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị T .

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Đinh Gia Bảo, sinh năm 2010 cho ông Đinh Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Đinh Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001643 ngày 06/02/2020 nên ông Th không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 07 tháng 7 năm 2020
Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Kim Nhung** và bà **Lê Thị Mỹ**
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 91/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn Th**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Số 40/5 Lê Quý Đ , phường An B , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên G .
Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978
Địa chỉ: Số 40/5 Lê Quý Đ , phường An B , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên G .

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 57, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **Đinh Văn Th** đối với bà **Nguyễn Thị T**.

Tuyên bố ông **Đinh Văn Th** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị T**.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên **Đinh Gia Bảo**, sinh năm 2010 cho ông **Đinh Văn Th** trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà **T** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông **Th** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Đình Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001643 ngày 06/02/2020 nên ông Th không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....phút ngày 07 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa